

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 74

Phân Nhiếp Quyết Trạch
Địa Bồ Tát

Đoạn 3:

Lại nữa, tụng nêu:

*Gồm thâm tri vô tánh
Mật ý cùng sở hành
Thông đạt và tùy nhập
Sai biệt dựa là sau.*

Hỏi: Năm pháp, như tướng của ba thứ tự tánh, tự tánh thứ nhất, trong năm pháp, thuộc về những pháp nào?

Đáp: Đều không thuộc về.

Hỏi: Tự tánh thứ hai thuộc về bao nhiêu pháp?

Đáp: Thuộc về bốn pháp.

Hỏi: Tự tánh thứ ba thuộc về bao nhiêu pháp?

Đáp: Thuộc về một pháp.

Hỏi: Nếu tự tánh của Y tha khởi cũng thuộc về chánh trí, vì sao trước nói tự tánh của Y tha khởi duyên nơi chỗ chấp thuộc tự tánh của Biến kế sở chấp nên có thể nhận biết rõ?

Đáp: Ý kia chỉ nói về phần tạp nhiễm nơi tự tánh của Y tha khởi, không phải là phần thanh tịnh. Nếu là phần thanh tịnh tức biết duyên nơi chỗ không chấp kia, nên có thể nhận biết rõ.

Lại nữa, ba thứ tự tánh nơi ba thứ tánh không tự tánh (Tánh của tướng không tự tánh. Tánh của sanh không tự tánh và Tánh của thắng nghĩa không tự tánh): Do tánh tánh của tướng không tự tánh, nên tự tánh của Biến kế sở chấp nói là không tự tánh. Do tánh của sanh không tự tánh cùng tánh của thắng nghĩa không tự tánh, nên tự tánh của Y tha

khởi nói là không tự tánh. Không phải tánh tự nhiên có. Không phải tánh của đối tượng duyên thanh tịnh. Chỉ do tánh của thắng nghĩa không tự tánh, nên tự tánh của Viên thành thật nói là không tự tánh. Vì sao? Vì do tự tánh này cũng là thắng nghĩa, cũng là chỗ hiển bày về tánh của tất cả pháp không tự tánh.

Hỏi: Ba thứ tự tánh, có nhiều thứ nên nhận biết khắp?

Đáp: Tất cả.

Hỏi: Bao nhiêu thứ nên vĩnh viễn đoạn trừ?

Đáp: Một hứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ nên chứng đắc?

Đáp: Một thứ.

Lại nữa, do ba thứ tự tánh ấy, nên các nghĩa ẩn mật của tất cả kinh không liễu nghĩa đều nên quyết định rõ.

Nghĩa là, ngôn ngữ bí mật của các Như Lai cùng các Bồ tát, tùy theo yếu nghĩa hiện có của ngôn ngữ bí mật nơi vô lượng giáo, đều do ba thứ tự tánh như thế, nên tùy theo đấy quyết định rõ.

Hỏi: Như trong kinh nói về pháp Nhẫn vô sanh, làm sao kiến lập?

Đáp: Do ba tự tánh mà được kiến lập. Nghĩa là do tự tánh của Biến kế sở chấp, nên lập Nhẫn vô sanh bản tánh. Do tự tánh của Y tha khởi, nên lập Nhẫn vô sanh tự nhiên. Do tự tánh của Viên thành thật, nên lập Nhẫn vô sanh phiến não cấu. Nên biết Nhẫn này không có thối chuyển.

Lại nữa, ba thứ môn giải thoát cũng do ba tự tánh mà được kiến lập. Nghĩa là do tự tánh của Biến kế sở chấp, nên lập môn Giải thoát không. Do tự tánh của Y tha khởi, nên lập môn Giải thoát vô nguyện. Do tự tánh của Viên thành thật, nên lập môn Giải thoát vô tướng.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp, là đối tượng hành của những trí nào? Là trí phàm chãng, là trí Thánh chãng?

Đáp: Đều không phải là đối tượng hành của trí. Do vô tướng.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi là đối tượng hành của những trí nào?

Đáp: Là đối tượng hành của hai trí, nhưng không phải là đối tượng hành của Thánh trí xuất thế gian.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật là đối tượng hành của những trí nào?

Đáp: Chỉ là đối tượng hành của Thánh trí.

Hỏi: Các hành giả Quán, lúc thông đạt tự tánh của Biến kế sở

chấp, nên nói là hành nơi tướng chẳng? Nên nói là hành nơi vô tướng chẳng?

Đáp: Nếu khi dùng trí thế gian để thông đạt, nên nói là hành nơi tướng. Nếu lúc dùng trí xuất thế gian để thông đạt, nên nói là hành nơi vô tướng.

Như tự tánh của Biến kế sở chấp, thì tự tánh của Y tha khởi, tự tánh của Viên thành thật, nên biết cũng thế.

Hỏi: Nếu hành giả hành Quán, lúc ngộ nhập như thật nơi tự tánh của Biến kế sở chấp, nên nói là đã tùy nhập những tự tánh nào?

Đáp: Là đã tùy nhập tự tánh của Viên thành thật.

Hỏi: Nếu hành giả hành Quán, lúc tùy nhập tự tánh của Viên thành thật, nên nói là đã trừ bỏ những tự tánh nào?

Đáp: Đã trừ bỏ tự tánh của Y tha khởi.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp có bao nhiêu thứ?

Đáp: Tùy ở trong tự tánh của Y tha khởi nêu đặt, kiến lập tự tánh với những phần lượng sai biệt hiện có, tức về số lượng nơi tự tánh của Biến kế sở chấp cũng thế. Do đó nên biết tự tánh của Biến kế sở chấp có vô lượng sai biệt.

Lại, ở trong tự tánh của Y tha khởi, nên biết có hai thứ chấp thuận tự tánh của Biến kế sở chấp:

1. Tùy giác.
2. Tùy miên của tập khí thường xuyên hành tập.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi có bao nhiêu thứ?

Đáp: Nên biết như chỗ sai biệt của phẩm loại tướng.

Lại có hai thứ tự tánh của Y tha khởi:

1. Chỗ khởi chấp thuộc tự tánh của Biến kế sở chấp.
2. Tức không có chỗ dấy khởi chấp kia.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật có bao nhiêu thứ?

Đáp: Nơi tất cả xứ đều là một vị. Tự tánh của Viên thành thật không có số phẩm an lạc sai biệt.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp, nên nói là nương dựa vào đâu?

Đáp: Nên nói là nương dựa vào ba sự: là tướng, danh và phân biệt.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi, nên nói là nương dựa vào đâu?

Đáp: Nên nói là dựa vào chỗ chấp thuộc tự tánh của Biến kế sở chấp, cùng đẳng lưu của chính mình.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật, nên nói là nương dựa vào

đâu?

Đáp: Nên nói là không chỗ an trụ, không chốn nương dựa.

Lại nữa, tụng thâm tóm nêu:

Nếu không có tác nghiệp

Vi tế cùng vô thể

Sanh chấp nhận biết rõ

Dụ nhiệm khổ, phân biệt.

Hỏi: Nếu không có tự tánh của Biến kế sở chấp, nên nói là có lỗi gì?

Đáp: Ở trong tự tánh của Y tha khởi, lẽ ra không có danh ngôn, không có chấp của danh ngôn. Điều ấy nếu không có thì không thể nhận biết về tạp nhiễm, thanh tịnh.

Hỏi: Nếu không có tự tánh của Y tha khởi, nên nói là có lỗi gì?

Đáp: Không do công dụng, tức tất cả tạp nhiễm đều nên không có. Ở đây nếu không có, thì sẽ không có thanh tịnh có thể nhận biết rõ.

Hỏi: Nếu không có tự tánh của Viên thành thật, nên nói là có lỗi gì?

Đáp: Tất cả phẩm thanh tịnh đều nên không thể nhận biết.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp có thể tạo bao nhiêu nghiệp?

- Đáp: Năm nghiệp:

1. Có thể sanh tự tánh của Y tha khởi.
2. Nơi tánh kia có thể khởi ngôn thuyết.
3. Có thể sanh khởi chấp của Bồ-đặc-già-la.
4. Có thể sanh khởi chấp pháp.
5. Có thể thâm nhận tập khí thô trọng của hai thứ chấp kia.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi có thể tạo bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Cũng năm nghiệp:

1. Có thể sanh tánh của pháp tạp nhiễm hiện có.
2. Có thể làm chỗ dựa cho tự tánh của Biến kế sở chấp và tự tánh của Viên thành thật.
3. Có thể làm chỗ dựa cho việc chấp trước của Bồ-đặc-già-la.
4. Có thể làm chỗ dựa cho chấp pháp.
5. Có thể làm chỗ dựa cho tập khí thô trọng của hai thứ chấp kia.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật có thể tạo bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Cũng năm nghiệp. Do năm nghiệp này đối trị năm nghiệp của hai thứ kia, sanh khởi tánh của cảnh giới nơi đối tượng duyên.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp, nên nói là vi tế, nên nói là

thô?

Đáp: Nên nói là vi tế. Như vi tế, thì khó thấy, khó biết rõ, nên biết cũng thế.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi, nên nói là vi tế, nên nói là thô?

Đáp: Nên nói là thô, nhưng là khó thấy, khó biết rõ.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật, nên nói là vi tế, nên nói là thô?

Đáp: Nên nói là hết sức vi tế.

Như hết sức vi tế thì hết sức khó nhận thấy, hết sức khó biết rõ, nên biết cũng thế.

Hỏi: Ba tự tánh này, mấy thứ là vô thể có thể chuyển thành hữu thể?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Mấy thứ là hữu thể, mấy thứ là vô thể có thể chuyển thành hữu thể, vô thể?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Mấy thứ là hữu thể mà không thể chuyển?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Ba tự tánh này, mấy thứ là chẳng sanh, có thể sanh nơi sanh?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Mấy thứ là sanh, có thể sanh sanh nơi sanh?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Mấy thứ là không sanh, không thể sanh sanh cùng chẳng sanh?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Tướng chấp không chấp nơi tự tánh của Biến kế sở chấp làm sao nên biết?

Đáp: Ở đây có hai thứ:

1. Giác ngộ của tánh kia, chấp hoặc không chấp.

2. Tùy miên của tánh kia, chấp hoặc không chấp.

Nếu do ngôn thuyết giả lập danh tự, suy tính khắp (Biến kế) về các pháp, quyết định tự tánh, nên biết đó gọi là giác ngộ của tánh kia đã chấp.

Nếu khéo nhận biết rõ chỉ có danh, biết chỉ là danh, các pháp kia không có tánh quyết định, nên biết đó gọi là đối với tánh kia không chấp.

Nếu chưa nhổ sạch tùy miên của tập khí kia, nên biết đối với tánh

ấy có chấp của tùy miên, cho đến chưa xả bỏ phần thô trọng của tập khí, nếu vĩnh viễn đoạn trừ rồi, nên biết là không chấp.

Hỏi: Tướng chấp, không chấp nơi tự tánh của Y tha khởi, làm sao có thể nhận biết?

Đáp: Nếu do phần giác ngộ nơi tự tánh của Biến kế sở chấp đã chấp, lại suy tính khắp (Biến kế) các pháp kia tạo thành tự tánh thì đó gọi là chấp thứ nhất.

Nếu khéo nhận biết rõ chỉ có các tướng, không Biến kế để tạo thành tự tánh, thì đó gọi là không chấp.

Nếu đối với chỗ trói buộc của tướng chưa vĩnh viễn dứt sạch, ở trong các tướng lúc có thủ đắc, đó gọi là chấp thứ hai.

Nếu đối với chỗ trói buộc của tướng đã vĩnh viễn dứt sạch, ở trong cảnh giới vô tướng nhận biết rõ, đúng, nên đối với tướng không thủ đắc, hoặc vào thời gian sau, như chỗ hiện có mà đạt được, nên biết là không chấp.

Hỏi: Tướng chấp, không chấp nơi tự tánh của Viên thành thật, làm sao có thể nhận biết?

Đáp: Tự tánh này không có chấp. Giới của tự tánh này không phải là xứ an đủ của chấp. Nếu đối với Giới ấy chưa đắc, chưa xúc, chưa tác chứng, khởi tăng thượng mạn về đắc, xúc, tác chứng, nên biết đó tức là chỗ chấp nơi tự tánh của Biến kế sở chấp cùng chỗ chấp nơi tự tánh của Y tha khởi nêu trên.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp, nên nhận biết như thế nào?

Đáp: Nên nhận biết rõ đúng chỉ có danh, chỉ là chỗ chấp của sự suy tính khắp (Biến kế), không tướng, không tánh, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, xưa nay vắng lặng, tự tánh là Niết bàn, không quá khứ, không hiện tại, không vị lai, không trói buộc, không lìa trói buộc, không hệ thuộc, không giải thoát, không khổ không vui, không chẳng khổ chẳng vui, chỉ là một vị hiện hữu khắp tất cả xứ đều như hư không. Dùng vô lượng hành tướng như thế để nhận biết rõ, đúng về tự tánh của Biến kế sở chấp.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi nên nhận biết như thế nào?

Đáp: Nên nhận biết rõ, đúng về tất cả đối tượng được nêu giảng là thuộc về sự hữu vi.

Thế nào là sự của tất cả đối tượng được nêu giảng? Đó là sự của Uẩn, của Giới, của Xứ. Sự của Duyên khởi. Sự của Xứ phi xứ. Sự của căn, của nghiệp, của phiền não, của Tùy phiền não. Sự của sanh, sự của nẻo ác, sự của nẻo thiện, sự của sanh sản, sự của loại sắc. Sự của cõi trời Tứ

Đại Vương chúng, cho đến sự của cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Sự của cõi trời Phạm Thiên, cho đến sự của cõi trời Sắc Cứu Cánh. Sự của xứ Không vô biên cho đến sự của xứ Phi tưởng phi phi tưởng. Sự của hành tùy tín, sự của hành tùy pháp, sự của thiện căn nơi phần thuận quyết trạch, sự của kiến đạo, sự của tu đạo, sự của quả Dự lưu, cho đến sự của quả A la hán. Sự của Độc giác, sự của Đẳng Chánh Giác, sự của Diệt tướng thọ. Sự của đến bờ kia, sự của niệm trụ cho đến sự của tám đạo chi. Sự của Tĩnh lực vô lượng, định vô sắc, sự của tư tưởng, sự của tu tùy niệm. Sự của giải thoát, thắng xứ, biến xứ. Sự của lực, vô sở úy, nguyện trí, bất hộ, niệm trụ, đại bi, tập khí đã hoàn toàn dứt trừ, các tướng tùy hảo, Nhất thiết chủng diệu trí nơi tất cả pháp Phật không chung.

Lại nên nhận biết rõ đồng nơi huyễn mộng, bóng sáng, tiếng vang nơi hang sâu, trăng trong nước. Ảnh tượng cùng biến hóa giống như đồng bọt nổi, cũng như bọt nước, cũng như dợn nắng, cũng như thân cây chuối, như cuồng như say, như hại như oán, như dụ về đứa con giả với hộp chứa rắn độc. Là không, vô nguyện, xa lìa, không chấp giữ, hư dối không chắc thật. Những loại sai biệt như thế là vô lượng.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật nên nhận biết như thế nào?

Đáp: Nên nhận biết rõ, đúng, như trước đã nói về tướng sai biệt. Đó là chân như, thật tế, pháp giới, các loại như thế có vô lượng sai biệt.

Lại nên nhận biết rõ về những sai biệt khác nữa. Nghĩa là không hình sắc, không thể nhìn thấy, không nơi nương trụ, không chỗ vin dựa, không thể hiển hiện, không thể phân biệt rõ, không thể nêu đặt, không thể tuyên thuyết, lìa các hý luận, không lấy không bỏ. Các loại như thế có vô lượng sai biệt.

Hỏi: Ba tự tánh này, mấy thứ tự không nhiễm, có thể khiến tha nhiễm?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Mấy thứ tự thanh tịnh, có thể khiến tha thanh tịnh?

Đáp: Một thứ.

Như nhiễm, nên biết khổ cũng thế.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp dùng gì làm dụ?

Đáp: Ví như hư không.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi dùng gì làm dụ?

Đáp: Như hại như oán.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật dùng gì làm dụ?

Đáp: Ví như kho chứa các vật báu lớn vô tận nơi lòng đất.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp do cái gì nên Biến kế (suy tính khắp)?

Đáp: Do tự tánh của Y tha khởi.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi do cái gì nên Y tha (dựa nơi cái khác)?

Đáp: Do nhân duyên.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật do cái gì nên Viên thành thật (thành thật viên mãn)?

Đáp: Do các khổ của tất cả phiền não không thể tạp nhiễm. Lại do thường.

Hỏi: Như nói có thể giữ lấy nghĩa chân thật nơi huệ là không phân biệt. Làm sao có thể nhận biết tướng của không phân biệt? Là do không tác ý? Là do vượt quá tướng phân biệt kia? Là do không chỗ có? Là do chính là tánh kia? Là do nơi cảnh của đối tượng duyên tạo tác gia hạnh?

Nếu do không tác ý: Thì tướng không phân biệt kia cùng với tác ý như lý tương ứng, là không hợp đạo lý. Kể ngủ say, say cuồng, nên thành lỗi này.

Nếu do vượt quá tướng phân biệt kia: Thì vì sao không cùng với Thánh giáo trái nhau? Như nói các tâm, tâm sở hiện có nơi ba cõi đều là phân biệt?

Nếu do không chỗ có: Thì vì sao huệ ấy không thành, không phải tâm sở?

Nếu do chính là tánh kia: Thì vì sao huệ ấy không thành tự tánh của sắc, cùng không phải là tướng thông đạt?

Nếu do nơi cảnh của đối tượng duyên tạo tác gia hạnh: Thì vì sao hủy báng tánh của huệ không phân biệt là lìa gia hạnh?

Nếu các thứ như thế đều không hợp lý, làm sao có thể biết huệ không phân biệt?

Đáp: Nơi cảnh của đối tượng duyên lìa gia hạnh. Cảnh của đối tượng duyên này là chân như của các pháp, lìa tướng có không. Tức ở đây cũng là lìa các phân biệt. Do chỗ dẫn phát của uy lực trước, nên tuy lìa gia hạnh, nhưng nếu ở nơi đẳng trì của chân như tương ứng với lúc diệu huệ sanh, thì tướng của đối tượng duyên có thể giữ lấy sự tỏa chiếu hiện bày. Do đó, huệ này gọi là không phân biệt.

Như vậy là đã nói về phần Quyết trạch của Nghĩa chân thật. Do năm nhân duyên nên biết uy đức hiện có của Bồ tát là không thể nghĩ bàn. Những gì là năm?

1. Uy đức hiện có của Bồ tát vượt quá tất cả cảnh giới của tâm tư.
2. Uy đức hiện có của Bồ tát, các thí dụ của thế gian không thể diễn đạt được.
3. Uy đức hiện có của Bồ tát chỉ hệ thuộc nơi tâm khéo mài luyện trong suốt.
4. Uy đức hiện có của Bồ tát cùng với tâm nơi địa bất định hoàn toàn không đồng phạm.
5. Uy đức hiện có của Bồ tát hoàn toàn gắn bó với tâm của địa định.

Lại nữa, ở trong Đại thừa có mười pháp hành, có thể khiến cho Bồ tát thành thực hữu tình. Những gì là mười pháp? Nghĩa là đối với pháp như Khế kinh v.v... thuộc về tạng Bồ tát tương ứng với Đại thừa, nên biên chép, thọ trì, cúng dường, huệ thí nơi kẻ khác. Nếu kẻ khác đang thuyết giảng thì cung kính lắng nghe. Hoặc tự nghiên ngẫm đọc xem. Hoặc lại lãnh nhận, nhận rồi, với âm điệu cao thấp mà đọc tụng rõ. Hoặc vì kẻ khác mà khai thị, nói rộng. Hoặc ở riêng nơi chốn vắng lặng, quán xét, tùy nhập tu tướng.

Hỏi: Mười thứ pháp hành như thế, bao nhiêu thứ có thể sinh đạo phước đức rộng lớn?

Đáp: Tất cả.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là đạo gia hạnh?

Đáp: Một thứ, là pháp hành thứ chín.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là đạo làm thanh tịnh chướng?

Đáp: Một thứ, là pháp hành thứ mười. Chủng loại như thế, văn quyết trạch còn lại không nhắc đến nữa.

Lại nữa, như nơi địa do Văn tạo thành, trong phần Nhiếp Đại thừa đã nói: Đại Bồ đề do năm thứ tương ứng, nên nhận biết rõ, nghĩa là:

1. Tự tánh.
2. Công năng.
3. Phương tiện.
4. Chuyển.
5. Hoàn.

Nhưng chưa phân biệt, nay sẽ giải thích.

-Thế nào là tự tánh của Đại Bồ đề? Nghĩa là chuyển y thù thắng đối với hàng Thanh văn, Độc giác. Nên biết chuyển y này lại có bốn thứ tướng:

1. Tướng là chỗ dựa của sanh chuyển.
2. Tướng là chỗ dựa của không sanh chuyển.

3. Tướng khéo quan sát về quả của đối tượng nhận biết.

4. Tướng của pháp giới thanh tịnh.

- Tướng là chỗ dựa của sanh chuyển: Là chỗ dựa của sanh chuyển thuộc đạo xuất thế gian nối tiếp của Phật. Nếu không như thế thì sự chuyển y này không đạt được. Đạo ấy lẽ ra sẽ không sanh không chuyển. Nếu xa lìa đạo kia mà có sự này thì trước lúc chưa chuyển y nên có sự này.

- Tướng là chỗ dựa của không sanh chuyển: Là chỗ dựa của tất cả phiền não cùng các tập khí không sanh chuyển. Nếu không như thế thì sự chuyển y này không đạt được. Tất cả phiền não cùng các tập khí liền có các duyên hòa hợp, không sanh không chuyển, nên không thể đạt được.

- Tướng khéo quan sát về quả của đối tượng nhận biết: Nghĩa là chuyển y này là khéo thông đạt về chỗ chân thật của đối tượng nhận biết, về quả chân như của đối tượng nhận thức. Nếu không như thế thì tự tánh của chư Phật, lẽ ra lại quan sát, lại có đối tượng đoạn, lại có đối tượng diệt.

- Tướng của pháp giới thanh tịnh: Nghĩa là chuyển y này đã có thể trừ bỏ hẳn tất cả tướng, là chỗ hiển bày của pháp giới hoàn toàn thanh tịnh. Nếu không như thế thì ở đây nên là vô thường, nên có thể nghĩ bàn. Nhưng chuyển y này là tướng thường trụ, không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, không thể nghĩ bàn này gọi là “không hai”. Do năm thứ tướng ứng nên nhận biết rõ:

1. Do tự tánh.
2. Do xứ.
3. Do trụ.
4. Do tánh một tánh khác.
5. Do sự tạo tác đã thành.

- Thế nào là do tự tánh nên không thể nghĩ bàn? Nghĩa là hoặc tức sắc hoặc lìa sắc, như thế là không thể nghĩ bàn. Hoặc tức thọ tướng hành thứ, hoặc lìa thọ tướng hành thức, như thế là không thể nghĩ bàn.

Hoặc tức địa giới, hoặc lìa địa giới, như thế là không thể nghĩ bàn. Hoặc tức thủy giới, hỏa giới, phong giới, hoặc lìa thủy giới, hỏa giới, phong giới, như thế là không thể nghĩ bàn.

Hoặc tức nhãn xứ, hoặc lìa nhãn xứ, như thế là không thể nghĩ bàn. Hoặc tức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc lìa nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ, như thế là không thể nghĩ bàn.

Hoặc có hoặc không phải có, như thế là không thể nghĩ bàn.

- Thế nào là do xứ nên không thể nghĩ bàn? Nghĩa là, tại cõi Dục hoặc lìa cõi Dục, như thế là không thể nghĩ bàn. Hoặc tại cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc lìa cõi Sắc cõi Vô sắc, như thế là không thể nghĩ bàn.

Hoặc ở trong cõi Người, hoặc lìa trong cõi Người. Hoặc ở trên cõi Trời, hoặc lìa trên cõi Trời. Như thế là không thể nghĩ bàn.

Hoặc tại phương Đông, hoặc lìa phương Đông. Hoặc tại phương Nam Tây Bắc, phương hướng trên dưới, hoặc lìa phương Nam Tây Bắc, phương hướng trên dưới. Như thế là không thể nghĩ bàn.

- Thế nào là do trụ nên không thể nghĩ bàn? Nghĩa là an trụ như vậy như vậy nơi lạc trụ của loại sắc. Như thế là không thể nghĩ bàn.

An trụ như vậy như vậy nơi trụ Xa-ma-tha của loại sắc. Như thế là không thể nghĩ bàn.

An trụ nơi trụ có tâm, như thế là không thể nghĩ bàn.

An trụ nơi trụ không tâm, như thế là không thể nghĩ bàn.

An trụ nơi Thánh trụ của loại sắc như vậy, như thế là không thể nghĩ bàn.

An trụ nơi Thiên trụ, Phạm trụ của loại sắc như vậy, như thế là không thể nghĩ bàn.

- Thế nào là do một tánh khác tánh nên không thể nghĩ bàn? Nghĩa là tất cả Phật đồng an trụ trong một Giới vô lậu, và là một tánh và là khác tánh. Như thế là không thể nghĩ bàn.

- Thế nào là do sự tạo tác đã thành nên không thể nghĩ bàn? Nghĩa là Đức Như lai như vậy như vậy, đồng giới, đồng trí, uy lực dũng mãnh, trụ nơi cảnh giới vô lậu, dựa vào chuyển y này, có thể tạo nghĩa lợi cho tất cả hữu tình. Như thế là không thể nghĩ bàn.

Ở đây lại có hai nhân duyên, nên biết là không thể nghĩ bàn: Tức nghĩa lìa ngôn thuyết cùng vượt quá đường ngôn ngữ, nên là không thể nghĩ bàn. Lại do xuất thế gian, thế gian không có thể nêu thí dụ, thế nên là không thể nghĩ bàn.

- Thế nào là công năng của Đại Bồ đề? Nghĩa là nếu lược nói có mười tự tại, gọi là công năng: Tức là thọ mạng tự tại v.v... như nơi phần Bản địa đã nói.

- Thế nào là phương tiện của Đại Bồ đề? Nghĩa là nếu lược nói có bốn thứ hóa độ gọi là phương tiện:

1. Hữu tình chưa thành thực, khiến thành thực. Tạo hạnh Bồ tát để hóa độ.

2. Hữu tình đã thành thực, thì khiến giải thoát. Tức đối với Tam thiên đại thiên thế giới, trong hàng trăm câu chi châu Thiệm Bộ, cùng

trong một lúc, dùng phương tiện thâm nhập vào sự hóa độ của Như lai.

3. Tức vì các hữu tình được hóa độ kia, nên làm Thanh văn để hóa độ.

4. Tức vì các hữu tình được hóa độ kia, nên làm Độc giác để hóa độ.

Nên biết, tất cả chư Phật Thế Tôn ở trong mười sự của bốn thứ biến hóa này, công năng vô ngại, hiện bày khắp phương, giới.

- Thế nào là chuyển của Đại Bồ đề? Nên biết chuyển này lược có hai thứ:

1. Chuyển quyền thời.

2. Chuyển tất cánh.

- Chuyển quyền thời: Nghĩa là các hữu tình, cho đến chưa thành thực, chưa giải thoát, được chư Phật Thế Tôn vỗ về, an ủi chuyển có biến hóa.

- Chuyển tất cánh: Nghĩa là như tự tánh của chư Phật là vô tận, không thể nghĩ bàn, chuyển theo ánh sáng lớn. Như thế là có thể tạo ra đã làm của tất cả hữu tình chuyển.

- Thế nào là hoàn của Đại Bồ đề? Nên biết hoàn này cũng có hai thứ:

1. Hoàn quyền thời.

2. Hoàn tất cánh.

- Hoàn quyền thời: Là hữu tình được hóa độ đã thành thực, đã giải thoát, từ đây, chư Phật Thế Tôn hiện Bát-niết-bàn không gián đoạn, không phải là diệt rốt ráo.

- Hoàn tất cánh: Nên biết là phiền não cùng các tập khí đã rốt ráo dứt hết, chỗ nương dựa kia là các khổ cũng hết.

Thế nào là người có thể tán thán, nơi trụ xứ của Như lai có thể tạo lợi ích? Nghĩa là theo chỗ tán thán chỉ hành tự lợi, không phải do tán thán nơi trụ xứ của Như-lai có chỗ tạo tác khác, cũng như tạo bình. Vì sao? Vì Đức Như lai ẩn thiện là hết sức thiếu dục.

Lại có hai thứ, nơi trụ xứ của Như lai, xứng dương tán thán pháp hết sức sâu xa kỳ lạ:

1. Khiến người tán thán thuận hành tự lợi sanh vô lượng phước.

2. Xa lìa tất cả chỗ cầu nơi trụ xứ của các Như lai mà tạo lợi ích. Nghĩa là nơi trụ xứ của Như lai, như như tán thán, như vậy như vậy thâm nhập tự lợi. Như như thâm nhập tự lợi, như vậy như vậy gọi là để cúng dường thâm nhập Như lai. Do nhân duyên này nên sanh phước tụ hết sức rộng lớn, vô tận.

Lại, chữ Như lai có hai thứ sự:

1. Sự không hợp ý.
2. Sự hợp ý.

Lại nữa, do sáu thứ tướng, nên biết là lược gồm sáu công đức của Như lai:

1. Viên mãn.
2. Không cấu nhiễm.
3. Không động.
4. Không gì bằng.
5. Có thể tạo sự việc lợi ích cho hữu tình.
6. Công năng.

- Thế nào là viên mãn? Nghĩa là chữ Như lai đã thành tựu tất cả công đức nơi ba cõi và xuất thế gian. Công đức xuất thế gian hiện có kia là vượt quá đường hành của tất cả ngôn ngữ. Do đó, Như lai, với mọi sự ca tụng, tán dương đều không thể diễn đạt hết được. Do nhân duyên ấy nên càng phải tán thán.

- Thế nào là không cấu nhiễm? Nghĩa là các công đức có bảy thứ cấu nhiễm:

1. Trụ.
2. Kiến.
3. Nghi.
4. Mạn.
5. Kiêu.
6. Tùy miên.
7. Keo kiệt.

Tất cả những thứ ấy, đối với Như lai là hoàn toàn không. Vì sao? Vì các công đức hiện có của Như lai không cần kẻ khác nhận biết, nghĩa là muốn (dục) khiến kẻ khác biết ta đã thành tựu công đức như thế.

Lại, đối với các công đức ấy không có kiến giải chấp trước, không có nghi hoặc là công đức hay là lỗi lầm, không đem công đức hiện có của mình là hơn hết để kiêu căng sanh vui mừng quá đáng, vì các công đức kia không phải là tùy miên của các phiền não, mà là đã hoàn toàn loại trừ phiền não cùng tập khí. Lại, đối với công đức không có tâm keo kiệt, tiếc lẫn, tức chớ khiến kẻ khác cùng được chứng đắc.

- Thế nào là không động? Nghĩa là các ngoại đạo đều không thể quấy động. Mọi thứ đạo tặc cũng không thể xâm đoạt. Tất cả thân thuộc cũng không thể hủy hoại. Mọi sức mạnh của vua quan, của lửa, nước, gió đều cũng không thể hủy hoại, không thể làm cho biến đổi.

Thọ mạng tuy hết cũng không thối chuyển. Do các công đức của Như lai là vô tận, vì thế nên không động.

- Thế nào là không gì sánh bằng? Nghĩa là các công đức hiện có của Như lai là hết sức rộng lớn, là hết mực tôn quý thù thắng, là vô cùng rất nhiều, là uy lực lớn lao. Hết thủy hữu tình, hoặc tịnh, bất tịnh đều không thể so sánh, thế nên là không gì bằng.

- Thế nào là có thể rạo ra sự việc lợi ích cho hữu tình? Nghĩa là xả bỏ sự an lạc hiện có hết sức lớn rộng, không tội đã đạt được, tạo phương tiện thị hiện gia hạnh lợi tha. Do đó có thể tạo sự việc lợi ích cho kẻ khác.

- Thế nào là công năng? Nghĩa là ở chỗ tạo sự việc lợi ích cho hữu tình, không chờ hành nguyện mà viên chứng. Trí gia hạnh kia là thân thuộc. Trí ấy nơi mọi thời gian luôn chuyên chí.

Lại nữa, do năm nhân duyên, nên biết chư Thiên không phải là chốn quy y. Những gì là năm?

1. Do hình tướng.
2. Do tự tánh.
3. Do tác nghiệp.
4. Do pháp nhĩ.
5. Do nhân quả.

- Thế nào là chư Thiên, do hình tướng nên không phải là chốn quy y? Nghĩa là do không hiện thấy, không giao tiếp luận bàn. Do hình tướng bạo ác có sợ hãi. Do quen hành phóng dật có tham ái. Do xả bỏ lợi tha, không có tâm thương xót. Do không nhận biết rõ việc làm, việc không làm, nên nơi nghĩa chân thật không thông đạt.

- Thế nào là Như lai, do hình tướng nên là chốn quy y chân thật? Nghĩa là do hiện thấy, có sự giao tiếp luận bàn. Do hình tướng an nhiên không sợ hãi. Do không phóng dật, lìa mọi tham ái. Do thường không xả bỏ sự việc tạo ích cho hữu tình, có tâm thương xót. Do khéo nhận biết rõ việc làm, không làm, nên đối với nghĩa chân thật đã khéo thông tỏ.

Lại do năm tướng nên chỉ có Như lai là chốn quy y chân thật:

1. Vì tạo lợi ích cho tất cả hữu tình nên giữ lấy Bồ đề.
2. Vì có thể khéo chuyển pháp nhãn chân chánh.
3. Đối với các hữu tình ân, oán, tâm luôn bình đẳng tạo lợi ích.
4. Xả bỏ tất cả tham ái về nhà cửa, thân thuộc, đầu giữ các căn tịch tĩnh.

5. Có thể khéo trừ bỏ các nghi.

- Thế nào là chư Thiên, do tự tánh nên không phải là chốn quy y?

Nghĩa là chư Thiên kia, luôn thuận nơi lậu, tánh không điều phục thiện, mà có thể chế ngự, dẫn dắt kẻ khác là không hợp đạo lý.

Như lai thì hoàn toàn lìa bỏ tất cả lậu, tánh điều phục thiện nên có thể dẫn dắt giáo hóa tất cả hữu tình.

- Thế nào là chư Thiên, do tác nghiệp, nên không phải là chốn quy y? Nghĩa là chư Thiên kia, thọ dụng các dục, an trụ nơi đấy làm nghiệp, tổn hại hữu tình, nghiệp ác có thể đạt được.

Như Lai, với Tính lự rộng lớn, không cấu nhiễm, an trụ nơi đấy làm nghiệp, có thể tạo lợi ích cho hữu tình làm nghiệp.

- Thế nào là chư Thiên, do pháp nhĩ, nên không phải là nơi chốn quy y? Nghĩa là các sự việc an lành hưng thịnh của thế gian cùng xuất thế gian, hết thảy đều dựa nơi công sức của chính mình. Nếu lìa công sức, thì tuy đối với chư Thiên, hiện bày hết mực sự tôn kính cũng không thể đạt được. Tuy không có sự tôn kính, chỉ đạo công sức, tất có thể đạt được.

- Thế nào là chư Thiên, do nhân quả, nên không phải là chốn quy y? Nghĩa là thân của chư Thiên, vì do có thể chiêu cảm “nghiệp Trời” nên đã đạt được. Hay vì do cúng dường chư Thiên nên đạt được. Hay vì do không nhân nên đạt được?

Nếu do có thể chiêu cảm “Nghiệp Trời” nên đạt được, thì chỉ nên quy y chỗ tác nghiệp của chính mình, không phải là chư Thiên kia.

Nếu do không nhân nên đạt được, thì nên quy y nơi không nhân không nên quy y nơi chư Thiên.

Nếu do cúng dường chư Thiên nên được thân chư Thiên này, vì nên chỉ dùng cúng dường làm nhân, vì chư Thiên, hay là cả hai? Nếu chỉ cúng dường chư Thiên, theo chỗ cúng dường nên chiêu cảm được thân Trời, là chuyện không thể có. Nếu chỉ do chư Thiên cúng dường thì sự nêu đặt ấy là không, vì tuy không cúng dường chư Thiên, nhưng vẫn khiến kẻ kia đạt được thân Trời.

Nếu nói cùng do cả hai, nghĩa là do cúng dường thấu phục chư Thiên, theo chỗ xét nguyện đều khiến đạt được quả. Nếu thế thì bảy thứ quả đạt được của chỗ suy xét đều không quyết định, nên không hợp đạo lý.

Lại nữa, có bốn thứ thanh tịnh:

1. Danh thanh tịnh.
2. Ngữ thanh tịnh.
3. Tự tánh thanh tịnh.
4. Hình tướng thanh tịnh.

Lại, hình tướng này có uy đức lớn, đoạn dứt các lưới nghi, có thể khéo “kỳ biệt”, việc khó hóa độ, có thể hóa độ. Trời người quy kính, khéo có thể chỉ dạy, dẫn dắt, chứng tánh xuất ly, hàng phục các ngoại đạo.

Lại nữa, làm sao nên nhận biết sự tướng của sắc v.v..., chỗ thiết lập của sắc v.v... là giả danh có, không phải là vật thật có?

Nghĩa là các danh ngôn được tướng huân tập là chỗ kiến lập thức, duyên nơi sự tướng của sắc v.v... chấp là tánh của sắc v.v... Tánh này không phải là vật thật có, không phải là có của thắng nghĩa. Thế nên, như pháp tướng của sắc ấy không phải là có chân thật, chỉ là tự tánh của Biến kế sở chấp, nên biết là giả có.

Nếu loại bỏ danh ngôn được tướng huân tập làm chỗ kiến lập thức, như duyên nơi sự tướng của sắc kia, tánh lìa ngôn thuyết, nên biết tánh này là vật thật có, là có của thắng nghĩa. Ở đây, đạo lý nơi ngôn luận thành lập, nên biết như ở địa Bồ tát đã nêu.

Nếu các danh ngôn được tướng huân tập để kiến lập thức, duyên nơi tự tánh của Biến kế sở chấp làm cảnh, tức nói tánh này không phải là trong, không phải là ngoài, không phải là trung gian của trong ngoài, chút ít có thể đạt được. Không phải là đã sanh, không phải là sẽ sanh, không phải là đang sanh. Không phải là đã diệt, sẽ diệt, đang diệt. Xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết-bàn. Vì sao? Vì ở đây chỉ là giả có, không phải là có của thắng nghĩa. Nếu lìa danh ngôn là tự tánh của các pháp, nên biết tánh này là chỗ sanh tà chấp làm duyên của phàm phu, đã sanh sẽ sanh đang sanh, đã diệt sẽ diệt đang diệt. Nếu chưa đoạn trừ vĩnh viễn, chưa nhận biết khắp, nên thành tạp nhiễm. Nếu đã đoạn trừ hoàn toàn, đã nhận biết khắp, mới thành thanh tịnh.

Lại có bốn pháp có thể khiến Bồ tát gồm thâu đa văn chân chánh:

1. Đa văn về hành trì.
2. Đa văn về chứng đắc.
3. Đa văn về quả.
4. Đa văn về tịnh.

Như thứ lớp ấy là: Nguyên đạt Bồ đề, thân cận thiện hữu, theo lực xét chọn, trụ nơi chốn vắng lặng, nên biết về tướng.

Hỏi: Cảnh giới ý lạc của các Bồ tát là thế nào?

Đáp: Đối với pháp của chư Phật tin hiểu, hiển bày có tánh.

Hỏi: Cảnh giới ý lạc tăng thượng của các Bồ tát là thế nào?

Đáp: Đối với pháp của chư Phật tin hiểu, hiển bày có đức.

Hỏi: Cảnh giới thắng giải của các Bồ tát là thế nào?

Đáp: Đối với pháp của chư Phật tin hiểu, hiển bày có thể chứng đắc.

Hỏi: Sự thương xót của các Bồ tát như thế nào?

Đáp: Đối với các khổ hiện tiền nơi trụ xứ của các hữu tình, theo đây sanh khởi thương xót.

Hỏi: Tâm Bi của các Bồ tát như thế nào?

Đáp: Đối với nhân của khổ hiện tiền nơi trụ xứ của các hữu tình theo đây sanh khởi bi ai.

Hỏi: Huệ của các Bồ tát như thế nào?

Đáp: Nơi cảnh của đối tượng nhận thức thông đạt như tánh hiện có.

Hỏi: Trí của các Bồ tát như thế nào?

Đáp: Nơi cảnh của đối tượng nhận thức thông đạt trọn vẹn như tánh hiện có.

Lại có ba thứ tư duy lỗi lầm:

1. Tư duy không rốt ráo.
2. Tư duy không phải xứ.
3. Tư duy điên đảo.

Lại nữa, như các Bồ tát thực hành Huệ thí, nên biết thí này do bảy thứ tướng mới được thanh tịnh:

1. Vật thí thanh tịnh.
2. Giới thí thanh tịnh.
3. Kiến thí thanh tịnh.
4. Tâm thí thanh tịnh.
5. Ngữ thí thanh tịnh.
6. Trí thí thanh tịnh.
7. Cấu uế thanh tịnh.

Sự thanh tịnh như thế, nên biết tất cả đều có mười tướng.

- Thế nào là mười tướng của vật thí thanh tịnh?

1. Thí rộng lớn: Nghĩa là có rất nhiều sai biệt.
2. Thí bình đẳng: Nghĩa là không tăng không giảm.
3. Thí hợp thời: Là ứng hợp chỗ vui thích kia.
4. Thí thượng diệu: Là đầy đủ về sắc v.v...
5. Thí thanh tịnh: Tức không phải là các vật bất tịnh uế tạp.
6. Thí như pháp: Là tương ứng với không tội.
7. Thí tùy lạc: Là tùy chỗ yêu thích của người cầu xin.
8. Thí lợi ích: Là theo chỗ thích hợp.

9. Thí hoặc tức thì hoặc dần dần: Là quán xét người cầu xin kia.
10. Thí không gián đoạn: Là thí không đoạn dứt.
 - Thế nào là mười tướng của Giới thanh tịnh?
 1. Phát khởi siêng năng tinh tấn, đạt được tài vật dùng để Huệ thí.
 2. Tự tay hiện sức, có được tài vật mà dùng Huệ thí.
 3. Lìa bỏ vật cấu nhiễm mà dùng Huệ thí.
 4. Như pháp mà thí.
 5. Như pháp đạt được tài vật mà hành Huệ thí.
 6. Dứt trừ các ác mà hành Huệ thí.
 7. Điều phục các căn mà hành Huệ thí.
 8. Ân trọng, cung kính mà hành Huệ thí.
 9. Tự tay hành thí.
 10. Đối với hàng tôi tớ của mình, trước hành ân dưỡng, sau mới Huệ thí kể đến cầu xin.
 - Thế nào là mười tướng của kiến thanh tịnh?
 1. Không suy tính về mình mới có khả năng hành thí, hiện bày “ngã sở” mà hành Huệ thí.
 2. Không đem mình so sánh với kẻ khác, cho mình là hơn, là bằng, là kém mà hành Huệ thí.
 3. Không quán xét kẻ khác sẽ có báo đáp mà hành Huệ thí.
 4. Không xem xét về vị lai sẽ đạt giàu vui thù diệu hơn hết mà hành Huệ thí.
 5. Không xem thí hoàn toàn không có quả mà hành Huệ thí.
 6. Không xem thí không có quả tương tự mà Huệ thí.
 7. Không xem thí có quả điên đảo mà hành Huệ thí.
 8. Không xem việc giết hại là bạn bè thiện mà hành Huệ thí.
 9. Không xem các tướng an lành, biến đổi ỳ lạ mà hành Huệ thí.
 10. Không vì được danh tiếng, sự khen ngợi của thế gian mà hành Huệ thí.
 - Thế nào là mười tướng của tâm thanh tịnh?
 1. Tâm thương yêu mà hành Huệ thí: Là nhận giữ tự tánh đối với các hữu tình.
 2. Tâm quý báu mà hành Huệ thí: Là đối với nơi chốn bố thí.
 3. Tâm bình đẳng mà hành Huệ thí: Là đối với chỗ oán thân, hoặc không oán không thân.
 4. Tâm điều phục cấu uế mà hành Huệ thí: Là đối với cấu uế của keo kiệt cùng cấu uế của sự cất chứa. Nên biết không thí cho kẻ khác gọi là cấu uế của keo kiệt. Tự mình không thọ dụng gọi là cấu uế của

sự cất chứa.

5. Tâm vui thích mà hành Huệ thí. Nghĩa là do bảy tướng:

Một là: Đối với người chưa đến cầu xin, khởi tâm hỷ lạc.

Hai là: Đối với kẻ đã đến cầu xin, mới thấy liền sanh tâm tịnh tín.

Ba là: Vào lúc đang hành thí, sanh khởi tâm thích thú, an ổn.

Bốn là: Sanh tâm tĩnh định.

Năm là: Sanh tâm không cho là đủ.

Sáu là: Sanh tâm không nào hại.

Bảy là: Thí rồi không có tâm hối tiếc.

6. Tâm nhẫn nhục mà hành Huệ thí: Nghĩa là trong công việc ngăn chặn, hướng dẫn kẻ cầu xin, phải nên gắng nhẫn, cùng không chán mệt.

7. Dùng tâm từ mà hành Huệ thí, nghĩa là đối với kẻ nào hại.

8. Dùng tâm Bi mà hành Huệ thí, nghĩa là đối với kẻ có khổ.

9. Dùng tâm Hỷ mà hành Huệ thí, nghĩa là đối với người công đức.

10. Dùng tâm Xả mà hành Huệ thí, nghĩa là đối với trụ xứ của thân hữu.

- Thế nào là mười tướng của ngữ thanh tịnh?

1. Trước hết, đối với các vật thí, sẵn lòng ban cho kẻ cầu xin.

2. Kẻ cầu xin, nếu lúc đến nên nói: Thiện lai! Đến đây!

3. Xa lìa mọi sự nhăn nhó, mặt bình yên mà nhìn, vui vẻ mỉm cười, hỏi thăm.

4. Dùng lời dịu dàng, cởi mở luận bàn, an ủi kẻ cầu xin.

5. Từ đáy lời nói nối tiếp là sẽ thí cho các thứ của cải, vật dụng đáng yêu thích, rất vui vẻ với hành thí này.

6. Chánh thức phát khởi lời thí: Tôi nay thí giúp cho ông...

7. Kẻ kia nếu gây trở ngại, thì theo chỗ dung nạp để phân phát, không nói lời thô xấu.

8. Đối với kẻ cầu xin, hoặc đối mặt, hoặc quay lưng, đều không chê trách hoặc nhận xét.

9. Nếu không còn vật để thí, thì nên có lời xin lỗi, hứa khi có được sẽ hành thí tiếp.

10. Đối với kẻ cầu xin, trọn không đối diện trách mắng, xua đuổi, cười chê, đùa cợt.

- Những gì là mười tướng của trí thanh tịnh?

1. Do trí thanh tịnh nên Huệ thí.

2. Do trí thanh tịnh đối với kẻ cầu xin.

3. Do trí thanh tịnh đối với vật thí.
4. Do trí thanh tịnh đối với gia hạnh thí.
5. Do trí thanh tịnh nên dùng thí để thành thực hữu tình.
6. Do trí thanh tịnh đối với phương tiện thiện xảo.
7. Do trí thanh tịnh nên thấy lỗi lầm tai họa của các dục.
8. Do trí thanh tịnh dứt trừ cấu nhiễm.
9. Do trí thanh tịnh nên đối với bạn hoặc xa lìa hoặc thâu nhận.
10. Do trí thanh tịnh bao trùm khắp sáu phương.

- Do trí thanh tịnh nên Huệ thí: Nghĩa là đối với tên gọi khác của thí, đối với thể tướng của thí, đối với lời chỉ dạy của thí, đối với chỗ sai biệt của thí, đều nhận biết đúng như thật mà hành Huệ thí.

- Do trí thanh tịnh đối với kẻ cầu xin: Nghĩa là đối với tất cả hữu tình đều trụ nơi phước điền giác ngộ mà hành Huệ thí. Đối với các trường hợp hơn kém, được mất, ân oán v.v..., đều có thể khéo nhận biết rõ, theo chỗ mong muốn sai khác của kẻ đến cầu xin mà hành thí.

Lại, trước dùng các tài vật được bố thí, đối khắp hết thấy ý lạc của các loài hữu tình mà xả thí. Nếu các kẻ cầu xin, lúc tự nhiên nhận lấy, đều sanh tùy hỷ.

- Do trí thanh tịnh đối với vật bố thí: Nghĩa là đối với hết thấy xứ nghiệp công xảo, trí thiện xảo nên mau chóng có thể tích tập tài vật hiện có dùng để Huệ thí. Hoặc do chỗ thâu nhận của thiện căn, nghĩa là nơi đời trước. Hoặc nơi hiện pháp thọ nhận các tài vật do chiêu cảm mà có, dùng để Huệ thí. Hoặc phát khởi thân thông, hoặc do pháp nên thọ nhận các tài vật đưa đến, dùng để Huệ thí. Hoặc do kẻ khác tích tập tài vật hiện có dùng để Huệ thí. Như khuyến dẫn kẻ khác hoặc nhận giữ công việc kia.

- Do trí thanh tịnh đối với gia hạnh thí: Nghĩa là đối với gia hạnh thí đều có thể khéo nhận biết rõ, không khiến cho kẻ cầu xin thân tâm bị mệt mỏi. Tự tâm không nhiễm mà hành Huệ thí, khéo có thể phân phát khắp, thí cho người đến cầu xin, thí cho kẻ nghèo thiếu, thí cho người không nơi nương dựa, thí cho kẻ hành ác, thí cho kẻ hành diệu, thí cho hàng tôi tớ của mình. Tức đối với các kẻ nghèo thiếu thì thí của cải vừa hoặc nhiều, tùy chỗ thích hợp, như hành thí theo phép tắc, không phải là không như phép tắc.

- Do trí thanh tịnh nên dùng thí để thành thực hữu tình: Nghĩa là khéo nhận biết rõ về thí có thể thành thực các hữu tình rồi nên hành Huệ thí. Đem các vật dùng để thí ban cho đại chúng cùng hành thí khắp, cũng khiến cho đại chúng sanh vô lượng phước. Lại, đối với kẻ

bản cùng nhưng vui thích hành thí, thì dùng tài vật của mình ban phát cho kẻ ấy khiến họ hành thí. Hoặc có kẻ không nghèo, nhưng tâm vốn keo kiệt, tuy muốn bố thí mà không thể dùng tài sản của mình để hành thí, tức nên đem tài vật cho kẻ ấy để họ thực hành bố thí. Hoặc ở trong pháp Phật cùng Tăng điền muốn được tạo tác, liền đem của cải xả thí khiến họ được hành tác. Do nhân duyên này nên ở trong hai môn sanh vô lượng phước.

- Do trí thanh tịnh đối với phương tiện xảo: Nghĩa là, hoặc do chỉ dạy, dẫn dắt khiến hành Huệ thí. Hoặc do sức mạnh bức bách khiến hành Huệ thí. Hoặc do lãnh ân nhân kia khiến hành Huệ thí. Hoặc do sanh sống nên khiến hành Huệ thí. Hoặc do thần lực mà hành Huệ thí.

- Do trí thanh tịnh thấy rõ những lỗi lầm tai họa của các dục: Nghĩa là, đối với những lỗi lầm, tai họa hiện có của các dục, nhận biết rõ đúng như thật rồi, nên hành Huệ thí.

Nghĩa là ở trong Khổ uẩn, hoặc có khi nhận biết rõ hai thứ lỗi lầm tai họa: 1. Hiện pháp. 2. Hậu pháp. Hoặc có khi nhận biết rõ năm thứ lỗi lầm tai họa, như nơi kinh “Ngũ chủng quá hoạn” đã nói. Hoặc có lúc nhận biết rõ sáu thứ lỗi lầm, tai họa. Nghĩa là các dục này là “tăng ngũ sợ hãi”, các loại như thế nói rộng như nơi kinh. Hoặc có lúc nhận biết rõ bảy thứ lỗi lầm tai họa. Tức biết các dục là pháp vô thường, hư giả, dối vọng, hoại mất, ví như sự huyễn làm mê loạn kẻ ngu. Hoặc có khi nhận biết rõ tám thứ lỗi lầm, tai họa, nghĩa là biết các dục như hài cốt tan hoại, như kinh đã nói rộng, cho đến cũng như quả chín nơi đầu ngọn cây.

- Do trí thanh tịnh trừ cấu uế: Nghĩa là đối với việc dứt trừ mười bốn nghiệp cấu uế, đều nhận biết đúng như thật rồi, nên hành Huệ thí. Ở đây như trong kinh Thi Khư Lạc Ca đã nêu bày.

- Do trí thanh tịnh nên đối với bạn, hoặc xa lìa hoặc thâm nhận: Nghĩa là có thể khéo nhận biết, nên xa lìa bốn thứ bạn ác, thâm nhận bốn thứ bạn thiện mà hành Huệ thí. Ở đây cũng như nơi kinh Thi-khư-lạc-ca đã nói.

- Do trí thanh tịnh bao trùm khắp sáu phương: Nghĩa là che trùm sáu phương mà hành Huệ thí. Đây cũng như nơi kinh Thi-khư-lạc-ca đã nói rõ.

- Thế nào là mười tướng của cấu uế được thanh tịnh:

1. Xa lìa cấu uế của biếng nhác mà hành Huệ thí: Nghĩa là hoặc trong hoặc ngoài, hoặc gần hoặc xa, hoặc thân mệt mỏi hoặc thân không mệt mỏi, hoặc thân yếu kém hoặc thân không yếu kém, mà luôn hành

Huệ thí.

2. Xa lia cấu uest của tham mà hành Huệ thí: Nghĩa là đối với tài vật.

3. Xa lia cấu uest của sân mà hành Huệ thí: Nghĩa là đối với kẻ cầu xin.

4. Xa lia cấu uest của si mà hành Huệ thí: Nghĩa là đối với nhân quả.

5. Xa lia cấu uest của chướng mà hành Huệ thí.

Nói cấu uest của chướng: Là bốn thứ chướng:

a. Không thường xuyên hành tập.

b. Thiếu thốn.

c. Tham đắm.

d. Xem quả.

6. Khéo phân phát khắp mà hành Huệ thí: Đây tức là xa lia cấu uest của phi đạo lý.

7. Do viên mãn mà hành Huệ thí: Đây tức là xa lia cấu uest của các thứ giảm thiểu. Nghĩa là: sự viên mãn, ý lạc viên mãn.

Sự viên mãn lại có bảy tướng:

Thứ nhất: Thí các sự thuộc tài sản.

Thứ hai: Thí các sự thuộc về cõi nước.

Thứ ba: Thí các sự thuộc hữu tình.

Thứ tư: Thí các sự thuộc về trang sức.

Thứ năm: Thí các sự thuộc nhà cửa v.v...

Thứ sáu: Thí các sự thuộc nơi ở.

Thứ bảy: Thí các sự thuộc nội thân.

Ý lạc viên mãn: Nghĩa là đối với nội thân cùng của cải vật báu bên ngoài, ý lạc đạt được tự tánh, không chấp trước.

8. Do thanh tịnh mà hành Huệ thí: Đây tức xa lia cấu uest của không thanh tịnh. Nghĩa là do mười thứ thanh tịnh, tức không chấp trước, không giữ lấy v.v... như nơi phần Bản địa đã nói rộng.

9. Khéo quan sát mà hành Huệ thí: Đây tức xa lia cấu uest của huệ ác. Nghĩa là quan sát vật thí. Quan sát ý lạc. Quan sát về ruộng thí.

- Quan sát vật thí: Nghĩa là quan sát sự thọ dụng hơn hẳn sự tích tụ. Quan sát Huệ thí hơn hẳn thọ dụng. Vì sao? Vì nếu chỉ tích tụ thì không thể đem lợi ích cho mình, không thể tạo lợi ích cho kẻ khác, không có lợi ích cho hiện pháp, hậu pháp. Nếu các Bồ tát chỉ tự thọ dụng, gọi là tự đạt lợi ích, không tạo lợi ích cho người khác, gọi là lợi của hiện pháp, không phải lợi của hậu pháp.

Nếu các Bồ tát có thể hành Huệ thí, liền tự phát sanh sự hoan hỷ rộng lớn, gọi là tự đạt lợi ích, gọi là tạo lợi ích cho kẻ khác. Gọi là lợi ích của Hiện pháp. Gọi là lợi ích của Hậu pháp.

- Quan sát ý lạc: Nên biết ý lạc lược có bốn thứ:

1. Ý lạc ở trong thân không điên đảo.
2. Ý lạc ở trong quả không chấp trước.
3. Ý lạc thương xót đối với hữu tình.
4. Ý lạc đối với trí Nhất thiết trí viên mãn. Do các ý lạc như

thế mà hành Huệ thí.

- Quan sát về ruộng thí: Nên biết lược do năm tướng: Một là: Nơi xứ này, cầu xin có thể đạt được.

Hai là: Nơi xứ này đã có kẻ cầu xin, lại thêm nghèo, thiếu.

Ba là: Nơi xứ này đã có nghèo thiếu, lại không chốn nương dựa.

Bốn là: Nơi xứ này đã có không chốn nương dựa, lại có kẻ hành hạnh ác. Đó gọi là ruộng thí.

Năm là: Nơi xứ này tuy không có những thứ ấy, nhưng có tu hành hạnh thiện có thể đạt được.

Do bảy thứ tướng nên biết không phải là ruộng thí:

Một là: Kẻ cầu xin là cực đại bạo ác, từng tạo sự oán hại, quy y nơi oán hại mà có chỗ cầu.

Hai là: Khuyên làm sự thiện, trọn không thể đạt được.

Ba là: Tâm mang đầy nhiệm ô, làm việc nhiệm ô mà có cầu xin. Bốn là: Vì tổn não mà có cầu xin.

Năm là: Kẻ cầu xin hoặc tự là ma, hoặc là chỗ mê hoặc của ma, không phải là xứ cầu xin.

Sáu là: Cầu xin về cha mẹ, hoặc lại tùy một người, không phải là vật để thí.

Bảy là: Có thể tạo nên vô nghĩa.

Do các tướng ấy, nên biết đó gọi là quan sát về không phải ruộng thí.

10. Gồm đủ phương tiện về đức mà hành Huệ thí: Đây tức là xa lìa cấu uế của lỗi lầm không có phương tiện.

Ở đây, phương tiện là thường xuyên thực hành thí, không luyến tiếc thân mạng. Thương xót hữu tình, trí của nghĩa chân thật, thắng giải của Bồ đề Vô thượng, chỉ dạy dẫn dắt, dùng sức mạnh bức bách để điều phục, xứ nhận báo ân, sanh cùng thần lực.

